

Một số chỉ tiêu Kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh Tháng 6 năm 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	Tháng 6 năm 2021	Lũy kế 6 tháng năm 2021	Tháng 6 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%),(+/-)	Lũy kế 6 tháng năm 2021 tháng so với cùng kỳ năm trước (%),(+,-)
1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	103,13	107,26	3,13	7,26
- Khai khoáng	"	95,37	91,10	-4,63	-8,9
- CN chế biến, chế tạo	"	123,54	121,80	23,54	21,8
- Sản xuất và phân phối điện	"	101,35	108,26	1,35	8,26
- Cung cấp nước, quản lý, xử lý rác thải	"	104,19	101,95	4,19	1,95
2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	768,4	4.845,9	9,52	19,96
3. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành	"	107,2	759,1	-7,22	22,91
4. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tỷ đồng	39,7	284,1	-24,28	13,75
5. Khối lượng hàng hóa vận chuyển	1.000 Tấn	187,3	1.227,7	-7,00	18,74
6. Khối lượng hàng hóa luân chuyển	1.000/ Km	8.360,0	53.434,7	-9,53	15,89
7. Số lượt hành khách vận chuyển	1.000 HK	171,0	1.298,6	-25,13	15,73
8. Số lượt hành khách luân chuyển	1.000 HK/ Km	22.855,2	178.939,7	-34,95	12,53
9. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	%	99,96	x	-0,04	x
10. CPI tháng 6/2021 so tháng 5/2021	"	99,78	x	-0,22	x
11. CPI tháng 6/2021 so với tháng 12 năm trước	"	100,97	x	0,97	x
12. CPI tháng 6/2020 so với kỳ gốc 2019	"	102,63	x	2,63	x
13. Chỉ số giá vàng tháng 6/2021 so tháng 5/2021	"	98,96	x	-1,04	x
14. Chỉ số giá Đôla Mỹ tháng 6/2021 so tháng 5/2021	"	99,72	x	-0,28	x